TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 97/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/09/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

2. Ông **Vũ Văn Hợp**

- Thư ký phiên Tòa: Bà **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Nam** – Kiểm Sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 230/2024/TLST – HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc " *Tranh chấp ly hôn* ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Yến Nhi**, sinh năm: 1997

Địa chỉ: ấp Hòa Lợi, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Nhi có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Anh **Trần Hoàng Huy**, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: ấp Phước Lợi, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Huy vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2024, và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến Nhi trình bày:* Vào năm 2015, chị và anh Trần Hoàng Huy quen biết nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 43, ngày 29/3/2016.

Về con chung: Chị Nhi xác nhận trong quá trình chung sống với anh Huy thì có với nhau một người con chung tên Trần Hữu Khang, sinh ngày 28/8/2016, hiện đang sống cùng anh Huy.

Về tài sản chung: Chị Nhi xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nhi xác định vợ chồng anh chị không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hay bất đồng ý kiến, quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau dù rằng hai vợ chồng đã cố gắng tìm tiếng nói chung nhưng không thành, từ đó dẫn đến hai bên không còn tình cảm, cuộc sống không còn hạnh phúc và chị Nhi và anh Huy đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Do tình cảm vợ chồng giữa chị Nhi và anh Huy đã rạn nứt, không thể hàn gắn nên chị Nhi làm đơn ly hôn gởi đến Tòa án yêu cầu như sau:

- *Về hôn nhân:* Xin được ly hôn với anh Trần Hoàng Huy

- *Về con chung:* Đồng ý giao người con chung tên Trần Hữu Khang, sinh ngày 28/8/2016 cho anh Huy tiếp tục nuôi dưỡng, chị không đồng ý cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Hoàng Huy đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Huy điều không có mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến để Tòa

án xem xét. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả xác minh Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Yến Nhi được ly hôn với anh Trần Hoàng Huy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về tố tụng:

[1.1] – Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Chị Nhi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với anh Trần Hoàng Huy, do đó đây là quan hệ *"Tranh chấp ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Đồng thời, bị đơn anh Huy có địa chỉ cư trú tại ấp Phước Lợi, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[1.2] – Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Trần Hoàng Huy đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 theo quy định pháp luật nhưng anh Huy vắng mặt không lý do nên hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] - Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Yến Nhi yêu cầu ly hôn với anh Trần Hoàng Huy, Hội đồng xét xử xét thấy rằng chị Nhi và anh Huy xác định anh chị xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết

hôn tại UBND xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 43, ngày 29/3/2016 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nhi cho rằng quá trình chung sống vợ chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị Nhi nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, anh Huy thường cờ bạc, cá độ, thậm chí về còn hành hung chị Nhi. Thực tế chị Nhi và anh Huy đã sống ly thân trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Đối với anh Huy, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng để anh Huy biết và mời anh lên làm việc nhưng anh Huy vẫn không có mặt theo thông báo của Tòa án đều này thể hiện anh Huy không muốn hòa giải cũng như không muốn hàn gắn để được đoàn tụ với chị Nguyễn Thị Yến Nhi. HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Nhi và anh Huy đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Nhi vẫn cương quyết ly hôn với anh Huy để ổn định cuộc sống. Do vậy, yêu cầu của chị Nhi xin ly hôn với anh Huy là phù hợp theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận.

[3] - Về con chung: Chị Nhi xác nhận trong thời gian chung sống giữa anh chị có người con chung tên Trần Hữu Khang, sinh ngày 28/8/2016 hiện đang sống với anh Huy, mặc dù Tòa án đã xuống gặp anh Huy để Tòa án ghi ý kiến, nguyện vọng của cháu Khang là muốn sống với cha hoặc mẹ nhưng anh Huy không đồng ý cho Tòa án lấy ý kiến của cháu Khang nên Tòa án có lập biên bản để làm căn cứ. Xét thấy hiện tại cháu Khang đang ở cùng anh Huy nên Tòa án thống nhất giao cháu Khang cho anh Huy tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài ra chị Nhi cũng đồng ý giao cháu Khang cho anh Huy nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] - Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Huy không có ý kiến gởi đến Tòa án nên HĐXX không biết yêu cầu của anh Huy là có yêu cầu chị Nhi cấp dưỡng hay không nếu sau này anh Huy có yêu cầu thì anh Huy có quyền khởi kiện yêu chị Nhi cấp dưỡng theo quy định.

[4] - Về tài sản chung: Chị Nhi xác định rằng anh chị không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] - Về nợ chung: Chị Nhi xác định rằng anh chị không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến Nhi về việc tranh chấp ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] - Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc chị Nhi phải chịu các khoản án phí gồm: án phí ly hôn với số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên Xư:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến Nhi về việc " *Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung* " với bị đơn anh Trần Hoàng Huy

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Yến Nhi được ly hôn với anh Trần Hoàng Huy.

2. Về con chung: Giáo cháu Trần Hữu Khang, sinh ngày 28/8/2016 cho anh Huy tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Nhi có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Do anh Huy không có ý kiến nếu sau này anh Huy có yêu cầu thì anh Huy có quyền khởi kiện yêu chị Nhi cấp dưỡng theo quy định.

3. Về tài sản chung: Chị Nhi xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nhi xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Nhi phải chịu các khoản án phí gồm: án phí ly hôn với số tiền là 300.000 đồng nhưng chị Nhi được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005639, ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, nên chị Nhi không phải nộp thêm.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA – PHIÊN TÒA

Danh Pì Sách

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Bình An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Pì Sách